| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NÔNG CỐNG**<br>**TỈNH THANH HOÁ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 02/2018/QĐST – DS | *N, ngày 05 tháng 4 năm 2018* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Danh mục án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28/3/2018 về việc các đương sự đã thoả thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 19/TLST - DS ngày 01/12/2017.

## XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: - Ngân hàng thương mại cổ phần S (Sacombank)

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: 266 – 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, TP.Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huy P – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Thanh Hóa (Sacombank).

Người được ủy quyền lại: Bà Lê Thị H – Chức vụ: Trưởng phòng Kiểm soát rủi ro – Chi nhánh Thanh Hóa.

Địa chỉ: Số 126 - 128 -130 đường N, phường B, TP.Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đồng bị đơn: - Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1985

Địa chỉ: Phân trại K3 – trại giam T - Tổng cục VIII - Bộ Công an.

- Chị Lê Thị H1, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn M, xã T1, huyện N1, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Quang C, sinh năm 1946

- Bà Thiều Thị T2, sinh năm 1947

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã T1, huyện N1, tỉnh Thanh Hóa.

**2.** Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị H1 phải trả cho ngân hàng S số tiền nợ tính đến ngày 28/3/2018 theo Hợp đồng tín dụng số LD1435100200 ngày 17/12/2014 là 184.753.590đ bao gồm số tiền nợ gốc là 154.159.000đ, số tiền nợ lãi trong hạn 27.980.953đ, số tiền nợ lãi quá hạn 2.613.637đ.

Về lãi suất: Kể từ ngày 29/3/2018 anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị H1 chịu tiền lãi trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số LD1435100200 ngày 17/12/2014.

Tiếp tục duy trì tài sản bảo đảm là nhà và 840m$^2$ đất ở của ông Lê Quang C và bà Thiều Thị T2 tại địa chỉ: Thửa đất số 797, tờ bản đồ số 13, địa chỉ: Thôn G, xã T1, huyện N1, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số: BH 027754 ngày 09/4/2013. Trường hợp anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị H1 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng S có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự tiến hành xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

- ***Về án phí***: Anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị H1 phải nộp 4.618.839đ tiền án phí giá ngạch tài sản. Trả lại cho Ngân hàng S - Chi nhánh Thanh Hóa 4.273.383đ tiền tạm ứng án phí DSST theo biên lai thu số AA/2015/0006520 ngày 27/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nông Cống.

**3**. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;;
- THADS huyện Nông Cống;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Lưu hồ sơ, VP. TH11.

**THẨM PHÁN**
**(đã ký)**

**Nguyễn Văn Tình**